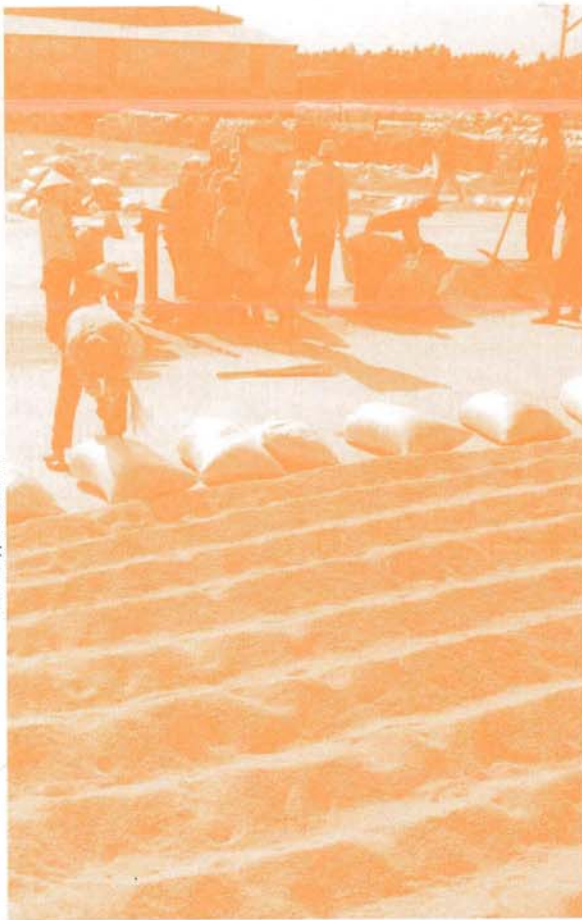


Ảnh Diệp Đức Minh



Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong nông lâm nghiệp năm 2003 THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

MINH HOÀI

1. Thực trạng

Nông lâm nghiệp là ngành sản xuất vật chất quan trọng, năm 2003 vẫn chiếm gần 22% GDP của nền kinh tế VN, hàng năm sử dụng gần 20 triệu ha đất và rừng, thu hút trên 72% lực lượng lao động xã hội. Thế nhưng đây cũng là ngành khó thu hút các nhà đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) nhất. Tính chung, từ khi có luật đầu tư nước ngoài (1988) đến hết năm 2002, toàn ngành mới có 354 dự án đầu tư với số vốn đăng ký 1.433,3 triệu USD, trong đó chỉ có 678,9 triệu USD vốn pháp định, chiếm tỷ trọng rất bé trong tổng số vốn FDI của cả nước: 7,96% số dự án, 3,3% vốn đăng ký và 3,3% vốn pháp định. Bình quân một năm thu hút 27 dự án, 110 triệu USD vốn đăng ký và 52,2 triệu USD vốn pháp định. Quy mô bình quân một dự án chỉ có 4 triệu USD vốn đăng ký và 1,9 triệu

USD vốn pháp định. Số dự án ít, quy mô nhỏ, lại không ổn định. Sau khi đạt đỉnh cao năm 1977 với 124 dự án, 813 triệu USD vốn đăng ký và 390 triệu USD vốn pháp định, xu hướng giảm sút đã xuất hiện những năm sau đó cả về số dự án, vốn đăng ký, vốn pháp định và quy mô vốn bình quân một dự án. Tuy nhiên xu hướng giảm sút này cũng trùng hợp với xu thế chung của khu vực FDI ở tất cả các lĩnh vực khác ở VN do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới.

Năm 2003 xu hướng giảm sút khu vực FDI trong nông lâm nghiệp đã có dấu hiệu dừng lại, xu hướng tăng trưởng đã phục hồi khá rõ nét. Sự khởi sắc đó đã được thể hiện khá rõ nét trên các mặt chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng số dự án và số vốn đều cao so với các năm trước cũng như so với các khu vực công nghiệp và dịch vụ: Số dự án đạt 45, vốn đăng ký 66,6 triệu USD, vốn pháp định 25,1 triệu USD, so với năm 2002 số dự án tăng gấp 2,5 lần, số vốn đăng ký tăng gấp 2,1 lần, vốn pháp định tăng 8,6%. Số dự án và số vốn đăng ký tuy còn khiêm tốn so với khu vực FDI trong công nghiệp và dịch vụ nhưng xét về tốc độ tăng trưởng rõ ràng khu vực nông lâm nghiệp đã có sự vượt trội. Vốn đăng ký của toàn bộ khu vực FDI của VN năm 2003 chỉ đạt 2.650 triệu USD, tăng 2,3% so với năm 2002 dù rằng sự vượt trội của khu vực nông lâm nghiệp trong việc thu hút vốn FDI còn rất khiêm tốn và có nguyên nhân trực tiếp là điểm xuất phát thấp sau nhiều năm giảm sút. Tốc độ tăng trưởng cao nhưng lượng tuyệt đối quá nhỏ là thực tế, nhưng dù sao đó là những khởi sắc thật sự, khác hẳn các năm trước, cả trong hai ngành nông nghiệp và lâm nghiệp. Sự khởi sắc này diễn ra trên phạm vi rộng bao gồm những tỉnh miền núi cao xa xôi, từ trước đến nay chưa có dự án FDI nào, nên càng có ý nghĩa cao so với các lĩnh vực khác như công nghiệp, dịch vụ, du lịch hoặc vùng Đông Nam Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng. Nếu năm 2001 chỉ có 15 dự án với số vốn đăng ký 33 triệu USD, vốn pháp định 23,2 triệu USD thì 2 năm sau đó, số dự án đã tăng gấp 3 lần và vốn đăng ký gấp 2 lần, đánh dấu sự hồi phục của khu vực FDI trong nông lâm nghiệp và thủy sản nước ta. Có thể thấy điều này qua số liệu thực tế những năm gần đây qua biểu dưới.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong nông lâm nghiệp ở VN 1997-2003

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	Vốn pháp định (triệu USD)	Vốn đăng ký b/q 1 dự án (triệu USD)
1997	124	813	390	6,55
1998	30	79	32	2,46
1999	23	53	31,7	2,3
2000	41	50	23	1,2
2001	15	23	9,7	1,53
2002	18	33	23,2	1,8
2003	45	66,6	25,1	1,48
1988-2003	399	1500	704,0	3,75

Thứ hai: Không những tăng số dự án và số vốn đầu tư mà năm 2003 các dự án FDI trong nông lâm nghiệp còn mở rộng phạm vi hoạt động. Nếu các năm trước, các dự án chỉ tập trung vào ngành nông nghiệp ở một số tỉnh miền Đông Nam bộ như Bình Dương, Đồng Nai... thì năm 2003 phạm vi đã mở rộng ra 12 tỉnh ở cả 3 miền Bắc Trung Nam, trong đó có 4 tỉnh miền núi là Cao Bằng, Sơn La, Quảng Ninh và Lâm Đồng. Địa phương có nhiều dự án nhất trong năm là Lâm Đồng với 19.717 nghìn USD, trong đó có 9.150 nghìn USD vốn pháp định. Nông nghiệp vẫn là ngành thu hút nhiều dự án nhất với 43 dự án, vốn đăng ký 51,2 triệu USD, vốn pháp định 20,4 triệu USD, trong đó tập trung vào các tỉnh Lâm Đồng 15 dự án; Tây Ninh 9 dự án, Đồng Nai 5 dự án và Bình Dương 4 dự án. Nội dung các dự án cũng phong phú hơn các năm trước, phổ biến nhất vẫn là chăn nuôi gia súc, gia cầm và chế biến thức ăn chăn nuôi (TP.HCM và Bình Dương), trồng cây công nghiệp (trồng và chế biến cao su ở Tây Ninh; Bình Dương), trồng và chế biến chè ở Lâm Đồng trồng rau sạch, hạt rau giống (Tây Ninh, Lâm Đồng), trồng nấm linh chi và xuất khẩu (Cao Bằng), trồng cây ăn quả chất lượng cao (Hà Tây, Tây Ninh) sản xuất, kinh doanh lúa giống, ngô giống lai (Hà Nội), trồng hoa phong lan (TP.HCM)... Phương pháp góp vốn cũng rất đa dạng: Có 3 dự án liên doanh phía VN có góp vốn đối ứng, 40 dự án còn lại chủ yếu là 100% vốn nước ngoài, còn phía VN chỉ góp bằng giá trị quyền sử dụng đất. Lâm nghiệp có 2 dự án với số vốn đăng ký 17,8 triệu USD, đầu tư vào 2 tỉnh Bình Định và Đồng Nai, trong đó hoạt động chủ yếu là trồng rừng và chế biến lâm sản xuất khẩu.

Thứ ba: Kết quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả kinh tế có nhiều tiến bộ đáng ghi nhận. Do đặc điểm của sản xuất nông lâm nghiệp là chu kỳ sản xuất phụ thuộc vào chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi, nên một số dự án FDI trong năm 2003 chỉ dừng lại ở các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản như trồng cây lâu năm, xây dựng chuồng trại gia súc, gia cầm và chưa cho sản phẩm vật chất. Cụ thể là 4 dự án đầu tư vào 4 tỉnh phía Bắc là Sơn La, Cao Bằng, Hà Tây và Quảng Ninh và một số dự án của các tỉnh phía Nam đều chưa cho sản phẩm. Tuy vậy, đối với các dự án đã đi vào sản xuất trong năm 2003, doanh thu và thu nhập đều có tiến bộ. Tổng doanh thu cả năm đạt 657,7 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu đạt trên 13 triệu USD, thuế và các khoản đã nộp ngân sách nhà nước đạt trên 8,3 tỷ đồng và lợi nhuận ròng đạt hơn 62 tỷ đồng. Bình quân 1 lao động trong năm đạt 152,2 triệu đồng doanh thu, 3.000 USD giá trị xuất khẩu, 14,4 triệu đồng lợi nhuận và nộp ngân sách gần 2 triệu đồng. Trong điều kiện sản xuất nông lâm nghiệp nói chung còn nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm, nhưng các doanh nghiệp FDI đã đạt được những kết quả như trên là cố gắng lớn. Nếu so với khu vực nông lâm nghiệp chung của cả nước, rõ ràng những kết quả trên đây của khu vực FDI đã vượt ở tất cả các chỉ tiêu. Riêng chỉ

tiêu giá trị xuất khẩu nông lâm sản, theo báo cáo của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2003 cả nước đạt 3,25 tỷ USD, bình quân 1 lao động trong chỉ đạt 127 USD, thấp xa so với khu vực FDI trong cùng lĩnh vực sản xuất. Nếu tính trên 1 đơn vị diện tích đất nông lâm nghiệp sử dụng, hiệu quả của các dự án FDI cũng sẽ cao hơn hẳn mức trung bình của cả nước, tính theo các chỉ tiêu tương ứng. Năm 2003, bình quân 1 ha đất nông lâm nghiệp cả nước mới đạt khoảng 9 triệu đồng giá trị sản xuất theo giá thực tế thì khu vực FDI đạt trên 43 triệu đồng. Cũng cần nói thêm rằng, các điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, địa hình, cơ sở hạ tầng vùng triển khai các dự án FDI trong nông lâm nghiệp đều không thuận so với các điều kiện chung của cả nước, ngược lại có phần khó khăn hơn vì phần lớn các dự án tập trung ở những vùng đất mới khai phá, nằm ở các vùng miền núi, trung du, các công trình thủy lợi chưa hoàn chỉnh.

Thứ tư: Các dự án FDI trong nông lâm nghiệp và thủy sản đã góp phần giải quyết một số vấn đề xã hội ở những vùng có dự án. 4.799 lao động nông thôn có việc làm mới, thu nhập cao hơn hẳn lao động của địa phương. Trình độ nghề nghiệp của lao động nông lâm nghiệp được nâng cao qua thực tế sản xuất có tính hàng hóa cao trong các dự án. Đó chính là hình thức đào tạo nghề nghiệp và kiến thức kinh tế thị trường cho lao động nông thôn qua các dự án FDI. Hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn vùng có dự án được xây dựng mới và nâng cấp so với trước, nhất là điện, thủy lợi, giao thông, cơ sở chế biến nông lâm sản, trạm y tế. Đối với các vùng miền núi, vùng đồng bào các dân tộc ít người như Sơn La, Cao Bằng, Quảng Ninh, Lâm Đồng, các dự án FDI trong nông lâm nghiệp còn góp phần quan trọng xóa bỏ các thủ tục lạc hậu, xây dựng bản làng theo hướng văn minh phù hợp với nền sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa.

Thứ năm: Số quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án FDI trong nông lâm nghiệp VN đã tăng lên so với các năm trước. Đứng đầu về số dự án và số vốn FDI vào lĩnh vực này là Đài Loan, Hàn Quốc, những năm gần đây mới có thêm Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan... tuy nhiên các dự án chủ yếu tập trung vào khu vực châu Á.

Những kết quả và tiến bộ của khu vực FDI trong nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2003 tuy chưa nhiều và chưa vững chắc, song rất đáng trân trọng và ghi nhận vì nó được trong điều kiện sau nhiều năm sa sút.

Nguyên nhân của những kết quả đó có nhiều, trong đó nổi bật nhất là: trong năm 2002, Chính phủ đã có nhiều chủ trương và giải pháp tích cực để thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực nông lâm nghiệp. Việc Quốc hội thông qua luật thuế sử dụng đất nông lâm nghiệp với nội dung thông thoáng hơn: mở rộng quyền cho các đối tượng sử dụng đất, thuê đất nông lâm nghiệp, miễn thuế sử dụng đất nông lâm nghiệp đối với tất cả các đối tượng sử dụng đất trong mức hạn điền, giảm thuế sử dụng đất đối với các đối tượng sử dụng đất trên mức hạn điền, các trang

trại, bắt đầu từ năm 2003, đã có tác dụng tích cực đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Thực hiện chủ trương của Quốc hội và Chính phủ, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn đã xây dựng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư với nhiều điều kiện ưu đãi về giá cho thuê đất, miễn giảm các loại thuế và phí, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng tại các vùng có dự án, đơn giản thủ tục cấp phép đầu tư, giảm thời gian chờ đợi của các chủ đầu tư. Nhiều tỉnh, thành phố đã thực hiện chủ trương "trải thảm đỏ" mời gọi các nhà đầu tư nước ngoài thông qua nhiều hình thức rất đa dạng và bước đầu đã có những kết quả cụ thể.

2. Những vấn đề đặt ra hiện nay

Bên cạnh những kết quả và khởi sắc trên đây, các dự án FDI trong nông lâm nghiệp và thủy sản nằm trong những năm qua và hiện nay cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải quan tâm.

1. Tuy tốc tăng trưởng cao nhưng số dự án tăng thêm còn quá ít cả về số lượng và số địa phương có dự án. Một số dự án tuy đã đăng ký nhưng chưa thực sự đi vào hoạt động đúng với giấy phép được duyệt.

2. Quy mô vốn đầu tư quá nhỏ. Số vốn đăng ký bình quân 1 dự án mới đạt 1,48 triệu USD, vốn pháp định còn ít hơn: 557 nghìn USD, trong đó có một số dự án còn ít hơn như dự án nông nghiệp ở Quảng Ninh 250 nghìn USD, 2 dự án ở Cao Bằng và Bình Thuận có 500 nghìn USD/dự án. Với số vốn như vậy chắc chắn sẽ gặp khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện ở các địa phương, nhất là ở các tỉnh miền núi cao, vốn đối ứng phí VN chỉ có giá trị quyền sử dụng đất, không có vốn bằng tiền.

3. Các dự án có vốn lớn chỉ tập trung vào vùng đông nam bộ, còn các vùng khác vừa ít về số lượng, quy mô vốn rất nhỏ. Đặc biệt các vùng trọng điểm về nông nghiệp và lâm nghiệp nhiều lao động có trình độ sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn với số lượng nông sản xuất khẩu nhiều và đa dạng về chủng loại như đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ, lại không có dự án nào trong năm 2003. Nhiều loại cây trồng, vật nuôi có số lượng và giá trị xuất khẩu lớn như lúa gạo, cà phê, hạt tiêu, dưa, nuôi bò thịt, lợn thịt, gia cầm... vẫn chưa có hoặc có nhưng rất nhỏ các dự án FDI.

4. Khả năng thu hút lao động nông thôn của nhiều dự án có rất hạn chế. Trong số 45 dự án đầu tư trong năm 2003, có 1 dự án chỉ có 2 lao động Việt Nam (Quảng Ninh), 1 dự án có 7 lao động (Đồng Nai), 1 dự án có 11 lao động. Do vậy mục tiêu thu hút lao động dự thừa và nâng cao trình độ ngành nghề lao động trong nông thôn đã không đạt được.

5. Chưa hình thành vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung có chất lượng cao, sản lượng nhiều gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Các loại nông lâm sản do các dự án sản xuất còn ít về số lượng, đơn điệu về chủng loại nên chưa chiếm lĩnh được thị trường trong nước và xuất khẩu. Thí dụ rõ nhất là, số

dự án đăng ký sản xuất rau quả sạch, chất lượng cao khác nhiều nhưng sản phẩm xuất hiện trên thị trường lại còn rất ít, chưa đáp ứng được như cầu của người tiêu dùng. Sức cạnh tranh của một số nông lâm sản của các dự án FDI chưa cao, kể cả những dự án sản xuất giống ngô lai, lúa lai, giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp.

Do những hạn chế trên đây nên vai trò của các dự án FDI trong nông lâm nghiệp còn mờ nhạt, chưa có tác dụng tích cực đối với sự phát triển của nông lâm nghiệp VN trong năm 2003 cũng như các năm trước đó. Doanh thu của các dự án FDI trong nông lâm nghiệp năm 2003 mới chiếm 0,4% tổng giá trị sản xuất nông lâm nghiệp cả nước. Đó là tỷ lệ quá bé so với yêu cầu và tiềm năng cũng như khoảng cách quá xa so với tỷ lệ tương ứng trong ngành công nghiệp năm 2003 (38%).

Nguyên nhân của những hạn chế trên, về khách quan, sản xuất nông lâm nghiệp là lĩnh vực có nhiều rủi ro do phụ thuộc quá lớn vào các điều kiện thời tiết, khí hậu cũng như thị trường thế giới. Thêm vào đó, chu kỳ sản xuất dài, nhất là trồng cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả, trồng rừng nên ít hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các nước phương Tây. Thực tế là cho đến nay trong lĩnh vực này chưa có dự án lớn của các nhà đầu tư từ châu Âu, châu Mỹ. Về chủ quan, hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn nước ta còn kém, nhất là các vùng miền núi, vùng xa còn nhiều đất nông lâm nghiệp chưa sử dụng, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hóa của các nhà đầu tư quy mô lớn. Hệ thống luật pháp và cơ chế chính sách, nhất là Luật đất đai, Luật đầu tư nước ngoài tuy đã nhiều lần bổ sung, sửa đổi song vẫn chưa thật sự hấp dẫn các nhà đầu tư trong nhiều lĩnh vực nhiều rủi ro này. Thực tế là quỹ đất nông lâm nghiệp có độ phì cao, thuận tiện cho sản xuất kinh doanh đã được giao cho hộ nông dân. Do vậy, các nhà đầu tư rất khó khăn trong việc tìm đối tác có quỹ đất phù hợp với quy mô trang trại lớn. Tình trạng khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng của một số dự án ở một số địa phương (điển hình là Hà Tây) và tranh chấp đất đai diễn ra ở nhiều nơi địa phương trong những năm qua và cả năm 2003 đã và đang làm nản lòng các nhà đầu tư và thực tế đã trở thành lực cản lớn đối với chủ trương thu hút đầu tư nước ngoài trong nông lâm nghiệp VN hiện nay và cả những năm tới. Đó cũng là lời giải thích lý do tại sao những năm qua dù Chính phủ, các ngành, các địa phương đã rất cố gắng kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài hướng mạnh vào lĩnh vực nông lâm nghiệp nhưng kết quả đến nay vẫn rất hạn chế. Vì vậy, giải pháp thu hút các dự án FDI vào nông lâm nghiệp trong những năm tới phải tích cực, đồng bộ và thấy sự hấp dẫn, trong đó quan trọng nhất là giải quyết tốt vấn đề đất đai bằng luật pháp và chính sách của nhà nước ■